

DANH MỤC THUỐC NĂM 2027

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất với nồng độ hoặc hàm lượng	Dạng bào chế/đường dùng	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acyclovir	Acyclovir 250mg/5g	Mỡ/bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 5g	type	30
2	Acyclovir	Acyclovir 800mg	viên nén/ uống	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên	200
3	Adrenaline	Adrenaline 1mg/1 ml/ ống	Dung dịch/Tiêm	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml	ống 1ml	10
4	Alaxan	Ibuprofen 200mg, Paracetamol 325 mg	viên nén/uống	Hộp 25 vi x 4 viên	viên	600
5	Alphachymotrypsin	Chymotrypsin 21 microkatal (tương đương 4200 USP unit)	viên nén/uống	Hộp 2 vi x 10 viên	viên	18,000
6	Ameflu ban ngày	Acetaminophen 500mg, Guaifenisin 200mg, Phenylephrine Hcl 10mg, Dextromethophan 15mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	2,400
7	Amoxycilin	Amoxycilin 500mg/viên	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	2,400
8	Atussin	Dextromethorphan HBr 10mg Chlopheniramine Maleate 1mg Sodium Citrate 133mg Ammonium Chloride 50mg Glyceryl Guaiacolate 50mg	viên nén/uống	Hộp 25 vi x 4 viên	viên	600
9	Augbactam	Amoxycilin 500mg, clavulanic acid 125mg	viên nén/uống	Hộp 2 vi x 5 viên	viên	1,200
10	Ci Baberin/ Berberin 100ng	Berberin 100mg	viên nang cứng/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	3,600
11	Betadine 125 ml	Povidon - Iod 10% kl/tt	Dung dịch/ sát khuẩn dùng ngoài	Chai 125ml	lọ	18
12	Bổ phế ngậm	Bạch Linh, Cát cánh, Mơ muối, Cam Thảo, Tỳ bà diệp, Bạch phàn, Tang bạch bì, Ma Hoàng, Tinh dầu bạc hà, Thiên môn đông, Bạc hà diệp, Bán hạ, Đường kính, tá dược vừa đủ.	viên/ngậm	Hộp 2 vi x 12 viên	viên	23,040
13	Bổ phế siro	Bạch Linh, Cát cánh, Mơ muối, Cam Thảo, Tỳ bà diệp, Bạch phàn, Tang bạch bì, Ma Hoàng, Tinh dầu bạc hà, Thiên môn đông, Bạc hà diệp, Bán hạ, Đường kính, tá dược vừa đủ	Siro/uống	Chai 125ml	chai 125 ml	960

14	Bổ phế nam hà không đường	Bạch phàn 0.208g, Xạ can 0.656g, Bạc hà 1.666g,...	Siro/uống	Chai 125ml	Chai	360
15	Boganic Forte hộp 5 vỉ x10 viên	Cao khô ActisoEP 170mg, cao khô rau đắng đất 128 mg, cao khô bìm bìm 13,6 mg	viên nang mềm/uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	hộp	30
16	cảm xuyên hương Yên Bái	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo bắc	viên nang cứng/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	6,000
17	Cao sao vàng	Long não, Menthol, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu trầm, Tinh dầu hương nhu, tinh dầu quế	cao/bôi da	Hộp CSV 3g	hộp	60
18	Captopril	Captopril 25mg/viên Khánh Hoà	viên nén/ngâm dưới lưỡi	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	30
19	Carbogo	Than hoạt tính 150mg	viên nhai/uống	Hộp 1 lọ x 100 viên	Lọ	300
20	Ceficim 200 mg	Cefixim 200mg	viên nang cứng/uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	600
21	Cefpodoxime	Cefpodoxime 200mg	viên bao phim/uống	Hộp 1 vỉ x 10 viên	viên	200
22	Cezirnat 500mg	Cefuroxime 500mg	viên bao phim/uống	viên	viên	1,800
23	Clarithromycin	Clarithromycin 250mg	viên bao phim/uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	viên	200
24	Colydexa	Cloramphenicol 0,02g; Dexamethason 0,005g; Naphazolin 0,0025g;	dung dịch/ nhỏ mũi, mắt	Hộp 01 lọ 5ml	lọ	120
25	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ/500 ml	dung dịch/ sát khuẩn, dùng ngoài	Chai 500ml	chai	12
26	Cortisotra	Dexamethasone acetat 4mg, Cloramphenicol 160mg	kem/bôi ngoài da	Lọ 8g	lọ	30
27	Cortonyl	Natri camphosulfonat 2,5g; Lactose 5g	dung dịch/nhỏ dưới lưỡi	Hộp 1 lọ 25ml	lọ	2
28	Coveram 5mg/5mg lọ 30 viên	Prindoprin arginine/Amlodipine	viên nén/uống	Hộp 1 lọ x 30 viên	lọ	16
29	Dầu phật linh 1,5ml	Tinh dầu bạc hà, Menthol, Tinh dầu đinh hương, Tinh dầu khuynh diệp, Long não	dầu gió/dùng ngoài	Hộp 1 lọ 1,5ml	lọ	360

30	Decolgen Fort	Paracetamol 500mg, Phénylpropanolamine chlorhydrate 25mg, Chlorpheniramine maleate 2mg	viên nén/uống	Hộp 25 vi x 4 viên	viên	3,600
31	Dentanangin OPC	Camphor, Menthol, Tinh dầu đinh hương, Procain, hydroclorid, Sao đen, tạo giác, thông bạch,	dung dịch bôi niêm mạc miệng/dùng ngoài	Hộp 1 lọ 7ml	lọ	36
32	Naphacogyl	Acetyl Spiramycin 100mg; Metronidazol 125mg	viên nén/uống	Hộp 2 vi x 10 viên	viên	600
33	Efferalgan	Acetaminophen 500mg	viên nén/uống	Hộp 4 vi x 4 viên	viên	576
34	Eugica	Eucalyptol 100mg, menthol 0,5mg, tinh dầu tần 0,18mg, tinh dầu gừng 0,5mg	viên kẹo ngậm/ngậm	Hũ 400 viên	viên	6,000
35	Metronidazol	Metronidazol 250mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	100
36	Trangala	Chloramphenicol 2g. Dexamethason acetat 0.050g. Mỡ trăn và tá dược vừa đủ	kem bôi ngoài da	Hộp 1 Lọ x 10g	Lọ	360
37	Giảm đau TK 3	Paracetamol 300mg, caffeine 25mg, phenylephrin HCl 5mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	1,200
38	Glucose 5 % dịch truyền	Glucose 5 % 500ml dịch truyền	dung dịch/tiêm, truyền	Chai 500ml	chai 500 ml	2
39	Gynapax	Acid boric, kali nhôm sulfat, methyl salicylat, thymol, phenol, menthol, berberin clorid	gói bột/ngâm rửa	Hộp 30 gói x 5g	gói	180
40	Ho long đờm lọ 400 viên	cao viễn chí 30mg, cao mạch môn 10mg, cao cam thảo 10 mg và các tá dược	viên nén/uống	Lọ 400 viên	viên	1,600
41	Hồ nước	kẽm oxyd 4g; calci carbonat 4g	hồ/bôi ngoài da	Lọ 20g	lọ	120
42	Hoạt huyết dưỡng não Traphaco	Cao đinh lăng 150mg; Cao bạch quả 5mg	viên bao đường/uống	Hộp 5 vi x 20 viên	viên	24,000
43	Hydrocortison Bidiphar	Hydrocortison natri succinat (100mg)	dung dịch/tiêm, khí dung	Hộp 1 lọ 2ml	lọ	4

44	Kedermfa	Antimycosique, Ketoconazole 2mg, Neomycin sulfat 500000UI	mỡ/bôi ngoài da	Hộp 1 tube x 5g	tube	60
45	Kegynan DEPOT	Metronidazol 500mg; Neomycin sulfat 65.000IU; Nystatin 100,000UI;	viên nén/đặt phụ khoa	Hộp 1 vi x 10 viên	viên	400
46	Bioacimin	Bacillus clausii 108cfu Bacillus subtilis 108cfu	Gói bột/uống	Hộp 30 gói x 4g	Gói	2,880
47	Loratadine	Loratadine 10mg	viên nén/uống	Hộp 2 vi x 10 viên	viên	1,800
48	Magne B6	Magnesi lactat dihydrat 470mg; Pyridoxin hydroclorid 5mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	2,400
49	Midasol	Methylene blue 20 mg, Bromo cmphor 20 mg	viên nén bao đường/ uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	300
50	Mebendazol	Mebendazole 500mg	viên nén/uống	Hộp 1 vi x 1 viên	viên	120
51	MediClophencid-H	Cloramphenicol 0,04g, Hydrocortisol 0,03g	mỡ/bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 4g	tube	10
52	Mekotricin	Tyrothricin 1mg	viên nén/ngâm	Hộp 1 gói x 24 viên ngâm	viên	26,496
53	Meloxicam	Meloxicam 7,5mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	100
54	Methorphan	Dextromethophan 10mg; Loratadine 2,5mg; Guaiphenesin 100mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	1,200
55	Naphazolin 0,05 %	Naphazolin 4mg	dung dịch/nhỏ mũi	Hộp 50 lọ x 8ml	lọ 8 ml	600
56	Natriclorid 0,9% Hải Phòng	Natriclorid 0,9%	dung dịch/nhỏ mắt, mũi, tai	Lọ 10ml	lọ 10 ml	4,800
57	Natriclorid 0,9% dịch rửa ATZ	Natriclorid 0,9%	Dung dịch/ rửa	Chai 500ml	Chai 500ml	12
58	Natriclorid 0,9% dịch truyền	Natriclorid 0,9%	dung dịch/ truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	chai 500 ml	20
59	Nemydexa	Dexamethason natri phosphat (10mg), Neomycin sulfate (34000iu)	dung dịch/nhỏ mũi, tai	Hộp 1 lọ x 8ml	lọ	240
60	Nghệ mật ong	Mỗi 5 g có: Nghệ 3,2g; mật ong 0,48g	viên hoàn cứng/uống	Hộp 1 lọ 100g	lọ	36
61	Nifedipin 10 mg	Nifedipin 10mg	viên nén/uống	Hộp 10 vi x 10 viên	viên	100

62	Nifedipine T20 Retard	Nnifedipin 20mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	100
63	Nicomen	Nicorandil (5mg)	Viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	1
64	Nospa Fort	Drotaverine chlorhydrate 80mg	viên nén/uống	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	100
65	Oresol gói pha 200ml	Natri clorid 520mg; Natri citrat dihydrat 580mg; Kali clorid 300mg; Glucose khan 2,7g	Gói bột/uống	Hộp 20 gói x 4,1g	gói	240
66	Oxy già 50ml	Oxy già 50ml	dung dịch/dùng ngoài	Lọ 50ml	lọ	24
67	Panadol	Paracetamol 500mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 12 viên	viên	2,880
68	Phatecpil	Terpin hydrat 100mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	2,400
69	phosphalugel	Al phosphate thể keo 12,38g	gói bột/uống	Hộp 26 gói x 20g	gói	624
70	Piracetam /Agicetam	piracetam 800mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	1,200
71	Prednisolon	Prednisolon 5mg	viên nén/uống	Hộp 50 vỉ x 20 viên	viên	100
72	Ringer Lactat Kabi	Natri Clorid 0,600 g; Natri Lactat 0,312 g; Kali Clorid 0,04 g; Calci Clorid 2H2O 0,027g; Nước cất pha tiêm vđ 100 ml	dung dịch/ truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	chai 500ml	2
73	Rotunda	Rotundin 30mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	300
74	Salonpas dán	Methyl salicylate, Menthol, Camphor, Tocopherol acetate	cao dán nóng/dùng ngoài	Hộp 2 bao x 10 miếng	miếng	4,800
75	Salonpas xịt	Menthol topical analgesic, methyl salicylate, topical analgesic	dung dịch/ xịt ngoài da	Bình 118ml	bình	2
76	Salonship	Methyl salicylate, Menthol, Camphor, Tocopherol acetate	cao dán lạnh/dùng ngoài	Hộp 8 bao x 3 miếng	miếng	3,600

77	Scanax	Ciprofloxacin 500mg	viên nén/uống	Hộp 5 vỉ x 10 viên	viên	300
78	Scanneuron	Vitamin B1 12,5mg; Vitamin B6 12,5mg; Vitamin B12 12,5mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	4,800
79	Smetstat	Diocahedral smectite 3g	gói bột/uống	Hộp 30 gói x 3,76g	gói	120
80	Vinsolon 40mg	Methyl prednisolon 40mg	dung dịch/tiêm, truyền	Hộp 1 lọ Act-O- Vial 1ml	lọ	2
81	Sorbitol	Sorbitol 5g	gói bột/uống	Hộp 20 gói x 5 gam	gói	60
82	Stadnex 20 CAP	Esomeprazol 20mg	viên nang cứng/uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	viên	1,680
83	stugeron	Cinarizine HCL 25mg	viên nén/uống	Hộp 25 vỉ x 10 viên	viên	500
84	Sulfadiazin Bạc	Sulfadiazine Bạc 1%	mỡ/bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 20g	tube	3
85	Tanponai	N acetyl DL Leucine 500mg	viên nén/uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	600
86	Tanganil 500mg/5ml	Acetylleucine 500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	hộp 5 ống 5 ml	ống	20
87	Tetracyclin mỡ	Tetracyclin mỡ	mỡ/bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 5g	tube	240
88	Tobramycin	Tobramycin 0,3%	dung dịch/ nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 6ml	lọ 6 ml	120
89	Trà gừng	Gừng 1,6g/túi	túi bột/uống	Hộp 10 túi x 3g	túi	400
90	Ventolin dạng xịt	Salbutamol sulphat 5mg	dung dịch/ khí dung	Hộp 1 bình xịt 200 liều	hộp	2
91	Vitamin AD Gold	Vitamin A 1900IU; Vitamin D 150IU	viên nang mềm/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	1,200
92	Vitamin B2	Vitamin B2 2mg	viên nén/uống	Hộp 6 vỉ x 30 viên	viên	2,160
93	Vitamin B1 Mekophar	Vitamin B1 250mg	Viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	100
94	Vitamin B6	Vitamin B6 250mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	200
95	Vitamin C	Vitamin C 500mg	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	1,800

96	Vitamin E	Vitamin E 400 UI	viên nang mềm/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	viên	1,200
97	Vitamin PP	Vitamin PP 50 mg	viên nén/uống	Hộp 6 vỉ x 30 viên	viên	2,160
98	Dorithicin viên ngậm ho(hộp)	Tyrothricin (0.5mg), Benzalkonium (1mg), Benzocaine (1.5mg)	viên nén/ngậm	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Hộp	24
99	Eganin Hàn Quốc (hộp)	L-Arginine 50mg	viên nang mềm/ uống	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Hộp	12
100	Tobrex (lọ nhỏ mắt)	Tobramycin 0.3%	dung dịch/ nhỏ mắt	Chai 5 ml	Lọ	24
101	Medrol 16mg	Methylprednisolone 16mg	viên nén/uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	3
102	Terpin Codein	Terpin hydrate	viên nén/uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	4
103	Telfast HD 180 mg	Fexofenadine Hydroclorid	viên nén/ uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	hộp	5
104	Cerebrolysin 10ml	Cerebrolysin 215.2mg	Tiêm	hộp 5 ống 10 ml	Hộp	6